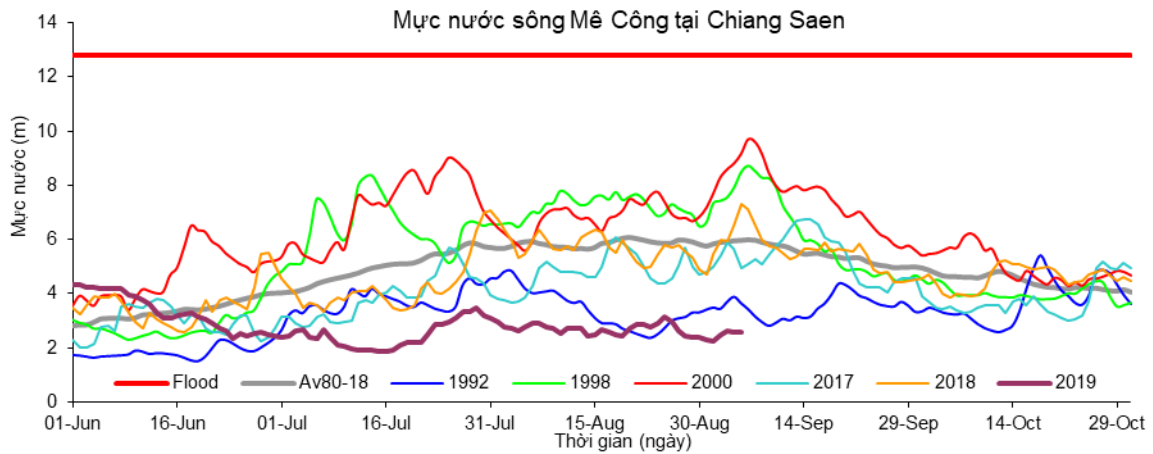


Thành phố HCM, ngày 5 tháng 9 năm 2019

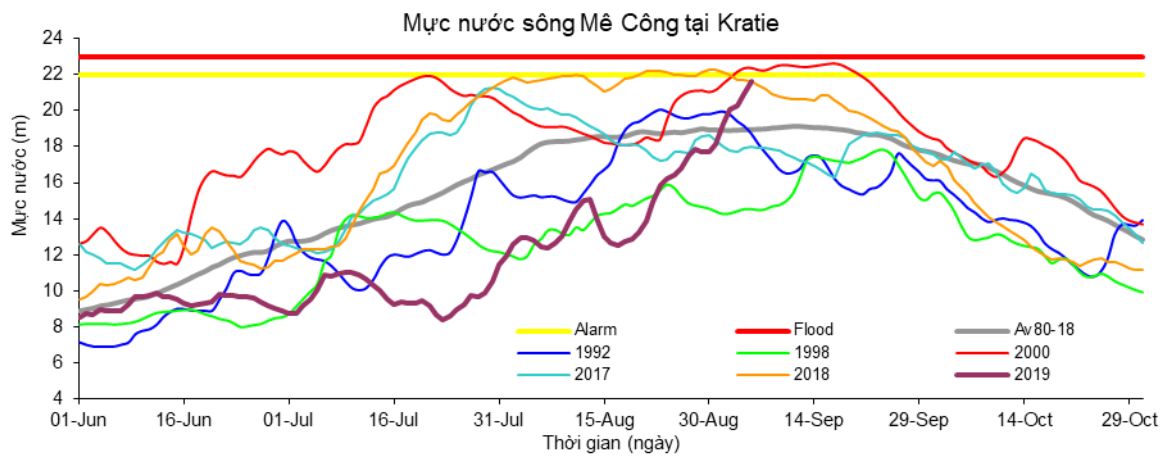
BẢN TIN

DỰ BÁO Lũ THƯỢNG NGUỒN VÀ NHẬN ĐỊNH NGUỒN NƯỚC, XÂM NHẬP MẶN MÙA KHÔ VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG NĂM 2019-2020 PHỤC VỤ CHỈ ĐẠO SẢN XUẤT

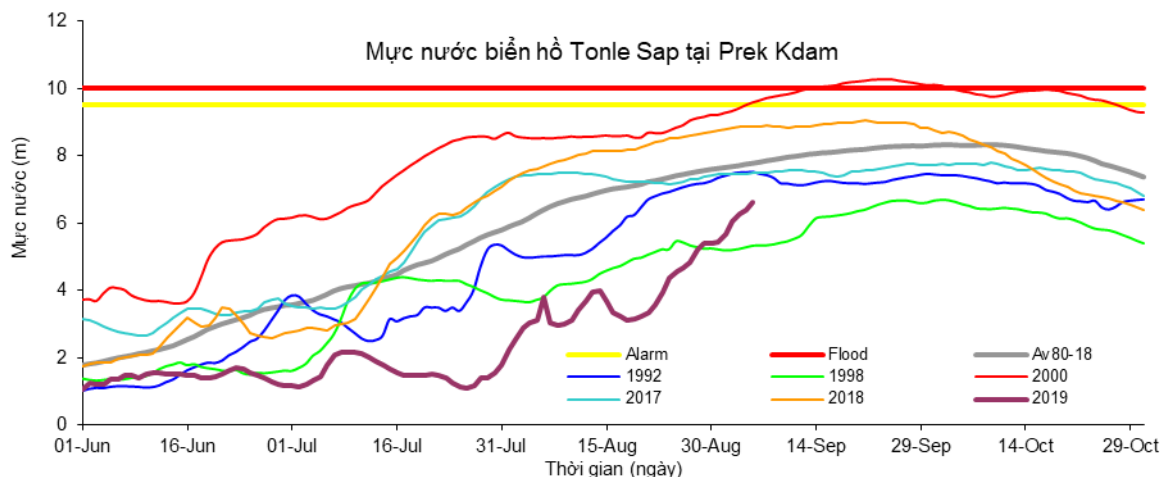
1. DIỄN BIẾN NGUỒN NƯỚC TRÊN DÒNG CHÍNH MÊ CÔNG



Hình 1: Diễn biến nước về từ Trung Quốc qua Chiang Saen, cập nhật ngày 5/9



Hình 2: Diễn biến nước về qua trạm Kratie, cập nhật ngày 5/9



Hình 3: Diễn biến nước trạm Prek Kdam, Biển hồ, cập nhật ngày 5/9/2019

Bảng 1: Lũy tích mưa các trạm đến 5/9/2019 và so với một số năm liên quan

TT	Trạm	Quốc gia	Lũy tích mưa đến hiện nay	Lũy tích mưa hết Tháng 9. 2015 (năm hạn)	Thiếu hụt mưa hiện nay đến hết mùa mưa so với một số năm điển hình (dấu – là mưa nhiều hơn)		
					so với năm Trung bình	so với năm 2015	so với năm 2016
1	Chiang Saen	Thái	804	1027	1,104	289	829
2	Luang Prabang	Lào	740	987	507	348	690
3	Chiang khan	Lào	823	871	446	170	481
4	Vientiane	Lào	1612	1404	7	-139	36
5	Nong Khai	Thái	1225	1310	358	195	252
6	Paksane	Lào	2121	2906	830	1133	491
7	Nakhon Phanom	Thái	2021	1590	247	-367	273
8	Thakhek	Lào	1869	2139	41	377	124
9	Mukdahan	Lào	1689	919	-212	-668	-379
10	Savanakhet	Lào	1163	879	254	-168	-29
11	Khong Chiam	Thái	1956	1139	-33	317	-126
12	Pakse	Lào	1246	1280	776	190	97
13	Stung Treng	Cam	1077	1059	818	198	885
14	Kratie	Cam	1070	697	580	-120	314
15	Kampong Cham	Cam	727	1003	601	514	459
16	Phnom Penh	Cam	571	777	646	311	789
17	Koh Khel	Cam	423	772		595	1217
18	Neak luong	Cam	522	607		317	1202
19	Prek Dam	Cam	730	643		124	388
20	Tan Chau	VN	583	575	578	119	447
21	Chau Doc	VN	618	585	481	137	628

Bảng 2: Nguồn nước sông Mê Công đến hiện nay so với một số năm liên quan

	Thông tin cập nhật	Đơn vị	Năm 2019	Đặc trưng năm liên quan so với năm 2019				
				2018	2017	TB 80-2018	2015	1992
Kratie	Mức nước hiện tại và cùng thời điểm các năm trước	m	17,73	21,61	17,97	18,93	17,22	18,76
	Chênh lệch so với năm 2019	m		3,88	0,24	1,20	-0,51	1,03
	Lưu lượng Qlũ hiện tại	m ³ /s	28.583	47.970	29.510	33.505	26.700	32.769
	Chênh lệch Qlũ so với năm 2019	m ³ /s		19388	927	4923	-1882	4187
	Tổng lượng Wlũ cùng thời điểm đến hiện tại	Tỷ m ³	98,2	251,5	204,7	171,3	113,3	140,9
	Khác biệt Wlũ cùng thời điểm so với 2019	Tỷ m ³		153,3	106,5	73,2	15,1	42,8
	Wlũ đến hết tháng 9	Tỷ m ³		338,5	267,4	242,0	162,1	198,5
	Khác biệt Wlũ hết tháng 9 so với hiện tại 2019	Tỷ m ³		240,3	169,3	143,8	64,0	100,4
Biển hồ	Biển hồ		2019	2018	2017	TB 00-18	2015	2004
	Mức nước Prekdam hiện tại và cùng thời điểm các năm trước	m	5,4	8,9	7,5	7,8	5,5	7,5
	Dung tích hồ	Tỷ m ³	13,26	42,36	34,85	32,99	13,20	34,46
	Khác biệt so với cùng kỳ	Tỷ m ³		29	22	20	0	21

2. DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC MÙA LŨ VỀ ĐỒNG BẰNG

Theo dự báo của Trung tâm Khí tượng Thủy văn Quốc gia, duy trì trạng thái El Nino yếu từ nay đến khoảng tháng 11 năm 2019 với xác suất khoảng 50-55%, nhiệt độ trung bình ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn từ 0,5 đến 1,0 độ C so với trung bình nhiều năm cùng thời kỳ. Khu vực Nam Bộ, tổng lượng mưa tháng 9 thấp hơn TBNN cùng thời kỳ từ 10-30%. Về chế độ thủy văn, từ cuối tháng 7-10/2019, tổng lượng dòng chảy trên các trạm thượng nguồn Mê Kông ở mức thấp hơn so với TBNN từ 20-30%. Đỉnh lũ năm ở đầu nguồn sông Cửu Long ở mức BĐ1-BĐ2, thấp hơn đỉnh lũ TBNN từ 0,2-0,4m. Thời gian xuất hiện đỉnh lũ khả năng vào cuối tháng 9 đầu tháng 10. Tuy ít có khả năng xuất hiện lũ lớn, nhưng tiềm ẩn nguy cơ cường suất lũ lên nhanh hơn bình thường do tác động điều tiết dòng chảy từ thượng lưu.

Cập nhật phân tích dự báo dòng chảy mùa lũ 2019, diễn biến mưa trên lưu vực cùng với các tác động do điều tiết thủy điện trên lưu vực, Viện Khoa học Thủy lợi miền Nam dự báo năm 2019 lũ rất nhỏ, mực nước lũ lớn nhất tại Tân Châu theo khả năng thấp, chỉ ở mức 3,0-3,5m. Dự báo lũ có thể đạt đỉnh sớm vào 17-19/9 với mức lũ vào khoảng 3,3m tại Tân Châu.

3. NHẬN ĐỊNH NGUỒN NƯỚC, XÂM NHẬP MẶN MÙA KHÔ 2019-2020 VÀ KIẾN NGHỊ ĐIỀU HÀNH SẢN XUẤT :

3.1. Dự báo nguồn nước và xâm nhập mặn

Nhận định nguồn nước mùa khô 2019-2020 sẽ ít thuận lợi, nguy cơ mặn xuất hiện sớm và hạn hán thiếu nước có thể xảy ra, dự báo xâm nhập mặn theo các cửa sông như Bảng 3, cụ thể

Bảng 3: Dự báo xâm nhập mặn lớn nhất ở các cửa sông 2020 so với các năm

Cửa sông	$L_{mặn}$ dự báo / 2019/2015 (Km)
Vàm Cỏ Đông	78/60/95
Vàm Cỏ Tây	76/58/92
Cửa Tiểu	46/34/48
Cửa Đại	48/40/51
Hàm Luông	52/43/60
Cổ Chiên	55/65/68
Sông Hậu	50/45/60
Sông Cái Lớn	52/35/62

- Mặn mùa khô 2019-2020 có khả năng xuất hiện sớm so với năm 2018-2019 khoảng 10-30 ngày, và sớm hơn so với trung bình nhiều năm khoảng 1-2 tháng (tùy vùng).

- Từ tháng 12/2019 mặn có khả năng ảnh hưởng các công lấy nước phạm vi cách biển đến 30-35km. Sang tháng 1 và tháng 2, ranh mặn 4g/l có khả năng lấn sâu vào nội địa 45-55km (tùy cửa sông).
- Các ngày trường cường, gió chướng mạnh xâm nhập mặn có thể tăng đột biến so với dự báo nhưng ở thời đoạn ngắn.

3.2. Vùng có khả năng bị ảnh hưởng bởi mặn, hạn vụ Đông Xuân

Với dự báo nguồn nước thấp và xâm nhập mặn đến sớm mùa khô 2020, một số vùng có nguy cơ ảnh hưởng bởi xâm nhập mặn như Bảng 4.

Bảng 4: Một số khu vực có nguy cơ ảnh hưởng bởi mặn năm 2020

TT	Tỉnh	Huyện	Nguy cơ (ha)
1	Tiền Giang	Gò Công Đông	10.327
		Gò Công Tây	9.546
		Tân Phú Đông	300
		Tổng	20.173
2	Bến Tre	Ba Tri	10.000
		Giồng Trôm	1.910
		Thạnh Phú	52
		Tổng	11.962
3	Trà Vinh	Trà Cú	12.774
		Châu Thành	12.344
		Cầu Ngang	6.749
		Tổng	31.867
4	Sóc Trăng	Long Phú	27.092
		Trần Đề	22.667
		Tổng	49.759
5	Bạc Liêu	Vĩnh Lợi	2.581
		Phước Long	12.500
		Tổng	15.081
Diện tích lúa Đông Xuân			128.841
Lúa trên nền đất tôm			150.000

3.3. Khuyến nghị chỉ đạo cấp nước và điều hành sản xuất

Với dự báo lũ nhỏ ở 2019 và nhận định nguồn nước mùa khô 2019-2020 sẽ ít thuận lợi, nguy cơ mặn xuất hiện sớm và hạn hán thiếu nước có thể xảy ra, vì vậy Kiến nghị Tổng cục Thủy lợi:

Xem xét ban hành văn bản chỉ đạo ngành Nông nghiệp và PTNT các tỉnh, nhất là tỉnh ven biển: xây dựng kế hoạch, chuẩn bị phương án ứng phó phòng chống hạn mặn; tuyên truyền về tình hình nguồn nước, xâm nhập mặn tới người dân; vận động nhân dân phối hợp với các đơn vị quản lý, khai thác công trình tranh thủ lấy, trữ nước.

Khuyến cáo các vùng cách biển đến 30km, nếu xuống giống từ giữa tháng 12/2019 mà không có giải pháp công trình chủ động tiếp nguồn thì nguy cơ xảy ra hạn cao, cần thận trọng xuống giống vụ Đông Xuân.

Tiếp tục tăng cường công tác giám sát, dự báo để cập nhật kịp thời về diễn biến thủy văn, nguồn nước, xâm nhập mặn ở các Viện.

Khiến nghị các địa phương cần có kế hoạch chủ động sản xuất trong mùa mưa lũ và mùa kiệt sắp tới, cụ thể:

Về quản lý nước và chỉ đạo sản xuất vụ Hè Thu và Thu Đông: diện tích Thu Đông có thể gia tăng ở những vùng được bảo vệ để bù vào diện tích có thể giảm do hạn mặn ở năm tới. Vận hành hệ thống công trình hợp lý với điều kiện lũ nhỏ, chủ động ứng phó với trường hợp lũ thấp nên sâu bệnh và chuột hại có thể xảy ra do đồng ruộng không được cải thiện môi trường.

Về quản lý nước và chỉ đạo sản xuất vụ Đông Xuân năm 2019-2020: nguy cơ hạn mặn cao ở mùa khô 2019-2020, vì vậy cần chuẩn bị trước các kế hoạch ứng phó mặn xuất hiện sớm đầu mùa khô (ngay từ tháng 12/2019-1/2020) và nghiêm trọng vào tháng 2 đến đầu tháng 3/2020; bố trí sản xuất sớm các vụ Thu Đông, Mùa và Đông Xuân ở những vùng có nguy cơ rủi ro cao. Viện sẽ liên tục cập nhật các bản tin sau khi các dự báo mùa khô xác thực hơn vào cuối tháng 10.

Viện Khoa học Thủy lợi miền Nam, 5/9/2019